TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 398/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 04 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 382/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1983

Số định danh cá nhân: 033183005876

Nơi cư trú: tổ B, khu phố B (nay là khu phố B), phường C, thành phố Quảng Ninh

- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1972

Số định danh cá nhân: 030072011638

Nơi cư trú: tổ B, khu phố B (nay là khu phố B), phường C, thành phố Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 31/8/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên, nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, cảm thông cuộc sống, thường xuyên cãi vã. Chị Phương A và anh K đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2025

đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K có 02 con chung là Nguyễn Trọng T, sinh ngày 21/01/2004 và Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 09/02/2009. Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K thỏa thuận:

Con chung Nguyễn Trọng T đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tiến T1 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Phương A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K thỏa thuận anh Nguyễn Văn K chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: con chung Nguyễn Trọng T, sinh ngày 21/01/2004 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Nguyễn Tiến T1, sinh ngày 09/02/2009 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị Phương A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Văn K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con; hoặc nhận thấy anh Nguyễn Văn K không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì chị Nguyễn Thị Phương A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Phương A và anh Nguyễn Văn K không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: anh Nguyễn Văn K tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000457 ngày 06/8/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Q. Anh Nguyễn Văn K đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS thành phố Quảng Ninh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND xã B, huyện Â, tỉnh Hưng Yên; nay là UBND xã P, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hải Ninh